TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 9 - 2020
V/v ly hôn, chia tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc " ly hôn, chia tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2020/QĐST- HN ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1992 *(có mặt);*

* Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986 *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: K p 4, t t T 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2020 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc D trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị D và anh H chung sống vào năm 2018, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách dẫn đến hay cãi nhau, ly thân từ tháng 04/2020 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản: Đã thỏa thuận và giao nhận xong, không tranh chấp, không yêu cầu.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản: Đã thỏa thuận và giao nhận xong, không tranh chấp, không yêu cầu.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

** Tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2020 bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:*

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn, chưa có con chung, tài sản, nợ là đúng như lời trình bày của chị D.

Nay theo yêu cầu của chị D, anh H có ý kiến như sau: Anh không đồng ý ly hôn với chị D.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc D giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu.

- Bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hồ Thị Ngọc D được ly hôn với anh Phạm Văn H; về con chung: Chưa có con chung nên không xem xét; về tài sản chung: Đã thỏa thuận và giao nhận xong đề nghị đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị Điễm; về nợ; Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra Quyết định đưa

vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và tống đạt hợp lệ cho anh H nhưng anh H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh H nhưng anh H vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Ngọc D và anh Phạm Văn H chung sống với nhau vào năm 2018 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú)*. Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *(có hiệu lực ngày 01/01/2015)* nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là*"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng",* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, nay chị D có yêu cầu ly hôn với anh H, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận chị D và anh H là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh H xác định, anh chị chưa có con chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị D và anh H đã thỏa thuận phân chia và giao nhận xong, tại phiên tòa chị Điễm xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu về phần này.

[5] Về nợ chung: Chị D và anh H xác định là không nợ chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hồ Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 217; Điều 228 ; Điều 235; Điều 241; Điều 244 và Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Ngọc D và anh Phạm Văn H.

- *Về quan hệ con chung:* Chị D và anh H xác định là chưa có con chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Hồ Thị Ngọc D đối với anh Phạm Văn H.

- *Về nợ chung:* Chị D và anh H xác định là không nợ chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Hồ Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào 850.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0007869 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị D được nhận lại 550.000 đồng.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc D, vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn H. Báo cho chị D và anh H biết, chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND thị trấn Thứ 11;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới